

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2021/DS-ST**

Ngày: 29/3/2021.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân;
2. Bà Nguyễn Thị Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Thắng – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đàm Văn T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn PT, xã PT2, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Lệ T2**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn PT, xã PT2, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng X

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, khu bán đảo L, phường H, quận HM, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – Tổng giám đốc Ngân hàng X.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Chẳng Khánh Quỳnh L** – Phó Giám đốc phòng giao dịch huyện Lâm Hà, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Tâm, thị trấn Đình Văn, Lâm Hà, Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Đàm Văn T trình bày: Anh Đàm Văn T xây dựng gia đình với chị T2 vào năm 2011, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà vào ngày 08/3/2011. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung, đến nay mâu thuẫn của anh chị đã rất trầm trọng, anh không thể chịu đựng thêm được nữa nên anh T yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đàm Duy Tân, sinh ngày 07/5/2013 và Đàm Nguyễn Xuân Quỳnh, sinh ngày 21/3/2016. Khi ly hôn anh T đề nghị giao cả 02 con chung cho chị Nguyễn Lệ T2 có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng một tháng cho cả hai con chung.

Về tài sản chung: Anh chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị có nợ Ngân hàng X, Chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền 80.000.000đồng; nợ Trung tâm Nông nghiệp huyện Lâm Hà số tiền 55.000.000đồng; nợ anh Phan Văn Thiệp, trú tại thôn Phúc Hòa, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà số tiền 50.000.000đồng; nợ anh Hoàng Văn Ngọc, trú tại thôn Phúc Cát, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà số tiền 50.000.000đồng. Khi ly hôn anh T nhận trả toàn bộ số nợ trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Nguyễn Lệ T2 trình bày: Chị Nguyễn Lệ T2 và anh Đàm Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà vào ngày 08/3/2011. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016, khi chị T2 sinh con thứ hai thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh T ngoại tình nhưng chị T2 vẫn cố gắng níu kéo vì các con. Đến năm 2020 mâu thuẫn đỉnh điểm thì anh T có yêu cầu chị T2 bán hết tài sản để giải quyết nợ rồi vợ chồng làm lại từ đầu, chị T2 tin tưởng nên bán hết tài sản trả nợ cho chồng còn lại chị T2 mua một lô đất, hai bên xác nhận phần tài sản này là tài sản riêng của chị T2. Nhưng sau đó, chị T2 mới biết chị bị anh T lừa chứ anh T không quay về với vợ con mà đi chung sống với người phụ nữ khác. Do bức xúc nên chị có cãi nhau với anh T nhưng không đến mức như anh T trình bày. Nay chị T2 muốn các con có cả bố và mẹ, bố phải có trách nhiệm với con nên chị T2 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đàm Duy Tân, sinh ngày 07/5/2013 và Đàm Nguyễn Xuân Quỳnh, sinh ngày 21/3/2016. Nếu phải ly hôn chị T2 yêu cầu được nuôi cả 02 con chung. Chị T2 yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng một tháng cho cả hai con chung.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận xong nên chị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị có nợ Ngân hàng X, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền 80.000.000đồng, ngoài ra không còn nợ ai khác, nếu phải ly hôn chị T2 yêu cầu anh T phải trả số nợ này. Ngoài ra chị T2 không còn yêu cầu gì khác.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng X do bà Chưởng Khánh Quỳnh L – Phó giám đốc phòng giao dịch Lâm Hà trình bày: Căn cứ hồ sơ vay vốn số 6600000709974520 ngày 31/3/2017 và 66000007134994444 vay ngày 17/9/2018 thì anh Đàm Văn T và chị Nguyễn Lệ T2 có vay của Ngân hàng chính sách số tiền 80.000.000đồng/02 khoản vay từ chương trình cho vay giải quyết việc làm, sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, hình thức cho vay tín chấp. Hiện nay anh Tuyên, chị T2 còn nợ phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Lâm Hà (Ủy thác qua hội phụ nữ xã Phúc Thọ) số tiền 80.461.0000 đồng trong đó nợ gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi là 461.000 đồng. Nay anh T chị T2 đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án huyện Lâm Hà thì Ngân hàng yêu cầu anh Tuyên, chị T2 cùng phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình còn chị T2 xác định vợ chồng không thể quay về chung sống với nhau được nữa nên chị T2 đồng ý giải quyết ly hôn.

Đại diện Ngân hàng X, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà xác định hiện nay anh Tuyên, chị T2 còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 80.000.000đồng và nợ lãi tính đến ngày 29/3/2021 là 213.000đồng. Ngân hàng yêu cầu chị T2 và anh T cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Đàm Văn Tuyên.

Giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Lệ T2 nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng cho cả hai con chung.

Về tài sản chung không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Buộc anh T và chị T2 cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng X, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà. Các khoản nợ khác không đặt ra để xem xét giải quyết.

Buộc anh T và chị T2 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Lệ T2 và anh Đàm Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà vào ngày 08/3/2011 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo anh T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung nên

anh T yêu cầu được ly hôn. Còn chị T2 xác định nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc vợ chồng ly hôn là do anh T ngoại tình. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T cũng thừa nhận nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh T ngoại tình nên vợ chồng xung đột. Xét thấy, bản thân anh T là cán bộ đoàn, hơn ai hết bản thân anh T phải ý thức và gương mẫu để T truyền vận động đoàn viên của mình thực hiện tốt Luật Hôn nhân và gia đình. Nhưng anh T đã có lối sống không chuẩn mực, việc anh T đang có quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị T2 nhưng anh T lại có quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác là vi phạm pháp luật hôn nhân gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Từ việc không chung thủy với vợ nên anh T không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ trách nhiệm với vợ làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Bản thân chị T2 cũng chỉ vì cái sai của chồng và do bức xúc thời gian dài nên chị T2 cũng có những lời nói, hành động thiếu tế nhị làm tổn thương cả hai. Đến nay, anh T và chị T2 cùng xác định vợ chồng không thể quay về chung sống với nhau được nữa, do tình cảm vợ chồng không còn và hai bên đã làm tổn thương lòng tự trọng của nhau, nếu kéo dài mối quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng chỉ là làm khó nhau, chứ mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Tuyên, chị T2 thống nhất giải quyết ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đàm Văn Tuyên, xử cho anh Đàm Văn T và chị Nguyễn Lệ T2 được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đàm Duy Tân, sinh ngày 07/5/2013 và Đàm Nguyễn Xuân Quỳnh, sinh ngày 21/3/2016. Quá trình giải quyết vụ án cháu Tân đã trên 07 tuổi và trình bày nguyện vọng được sống với cả bố và mẹ. Đây là mong muốn chính đáng của con nhưng quan hệ hôn nhân của chị T2, anh T đến nay không thể tiếp tục duy trì nên cần xem xét giao con cho một bên có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con. Xét thấy, từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay thì chị T2 là người trực tiếp nuôi cả hai con chung nên anh chị thống nhất khi ly hôn giao cả hai con cho chị T2 nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các anh chị và việc thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy để ổn định về chỗ ở cũng như tâm sinh lý của các con khi bố mẹ ly hôn cần giao cả hai con chung cho chị T2 nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Chị T2 yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng cho cả hai con và anh T cũng đồng ý theo yêu cầu của chị T2. Đây là quyền lợi của các con anh chị để giúp chị T2 bớt khó khăn hơn trong quá trình nuôi con cũng như thể hiện trách nhiệm làm cha của anh T đối với các con nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của anh chị.

[4] *Về tài sản chung:* Anh chị xác định đã tự thỏa thuận xong và anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Anh T xác định có nợ Ngân hàng X, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền 80.000.000đồng; nợ Trung tâm nông nghiệp huyện Lâm Hà số tiền 55.000.000đồng; nợ anh Phan Văn Thiệp số tiền 50.000.000đồng; nợ anh Hoàng Văn Ngọc số tiền 50.000.000đồng. Còn chị T2 xác định vợ chồng chỉ có nợ 80.000.000đồng của Ngân hàng X, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo nội dung vụ án cho Trung tâm Nông nghiệp huyện Lâm Hà nhưng Trung tâm Nông nghiệp huyện Lâm Hà không có ý kiến gì gửi đến Tòa án, còn anh Phan Văn Thiệp và anh Hoàng Văn Ngọc có lời khai trình bày không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với khoản nợ của Trung tâm Nông nghiệp huyện Lâm Hà; khoản nợ anh Phan Văn Thiệp và anh Hoàng Văn Ngọc trong vụ án này.

Đối với số nợ của Ngân hàng X, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền nợ gốc là 80.000.000đồng và nợ lãi tính đến ngày 29/3/2021 là 213.000đồng thì anh T và chị T2 đều xác định đây là nợ chung. Tại phiên tòa, anh T nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đại diện Ngân hàng xác định hiện nay anh T thường hay vắng mặt tại địa phương và không còn tài sản nào khác để đảm bảo cho việc trả nợ nên Ngân hàng không đồng ý để anh T nhận trách nhiệm trả nợ. Để đảm bảo việc thu hồi vốn, Ngân hàng yêu cầu anh T và chị T2 cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy, anh T và chị T2 xác định đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, việc Ngân hàng yêu cầu anh T và chị T2 cùng trả nợ là chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần buộc anh T và chị T2 mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên cho Ngân hàng là phù hợp. Như vậy, anh Tuyên, chị T2 mỗi

người phải trả cho Ngân hàng 40.106.500đồng gồm 40.000.000đồng tiền nợ gốc và 106.500đồng tiền nợ lãi (tính đến ngày 29/3/2021).

[6] *Về án phí*: Buộc anh Đàm Văn T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đồng thời, anh T và chị T2 mỗi người phải chịu 2.005.325đồng (cụ thể: 40.106.500đồng x 5%), làm tròn thành 2.005.000đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền anh chị phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 37, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đàm Văn Tuyên, xử cho anh Đàm Văn T và chị Nguyễn Lệ T2 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Đàm Duy Tân, sinh ngày 07/5/2013 và Đàm Nguyễn Xuân Quỳnh, sinh ngày 21/3/2016 cho chị Nguyễn Lệ T2 có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đàm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) một tháng cho cả hai con chung, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trở đi cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (khi án đã có hiệu lực pháp luật) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về nợ chung: Buộc anh Đàm Văn T phải trả cho Ngân hàng X, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền 40.106.500đồng (Bốn mươi triệu một trăm lẻ sáu ngàn năm trăm đồng) gồm 40.000.000đồng tiền nợ gốc và 106.500đồng tiền nợ lãi (tính đến ngày 29/3/2021).

Buộc chị Nguyễn Lệ T2 phải trả cho Ngân hàng X, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền 40.106.500đồng (Bốn mươi triệu một trăm lẻ sáu ngàn năm trăm đồng) gồm 40.000.000đồng tiền nợ gốc và 106.500đồng tiền nợ lãi (tính đến ngày 29/3/2021).

Đồng thời anh Đàm Văn T và chị Nguyễn Lệ T2 phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng X, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà cho đến khi trả xong nợ vay cho Ngân hàng.

4. Về án phí: Anh Đàm Văn T phải chịu 2.605.000 đồng (Hai triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014875 này 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Anh T còn phải nộp 2.305.000đồng (Hai triệu ba trăm lẻ năm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Nguyễn Lệ T2 phải chịu 2.005.000đồng (Hai triệu không trăm lẻ năm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án (29/3/2021) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đoàn Hạnh Trang